***Ngày soạn: 03/09/2025***

***Ngày dạy: 11/9/2025 (6A), 12/9/2025 (6C)***

**TIẾT 4: THTV TỪ ĐƠN, TỪ PHỨC. NGHĨA CỦA TỪ. BIỆN PHÁP TU TỪ**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết từ đơn và từ phức, hiểu được tác dụng của từ láy trong văn bản

- Giải thích được nghĩa của từ/thành ngữ trong ngữ liệu cụ thể

- Nhận biết và nêu tác dụng của phép tu từ so sánh

**2. Năng lực**

|  |  |
| --- | --- |
| *Năng lực chung:* | *Năng lực đặc thù* |
| - NL giao tiếp, hợp tác:   * 100% biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp * 75% biết phối hợp với bạn cùng nhóm, thực hiện công việc nhóm nhỏ;   - NL tự chủ và tự học:  80% biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập | - 90% HS nhận biết được từ đơn, từ phức  - 80% HS phân tích được tác dụng của từ láy trong văn bản  - 90% HS nhận biết được biện pháp so sánh  - 90%% HS nhận biết được thành ngữ  - 60% HS vận dụng được việc giải nghĩa của từ, từ láy và hiểu biết về phép so sánh để tạo lập đoạn văn ngắn 5-7 câu. |

**3. Phẩm chất**

- 90% HS có tinh thần học tập chủ động, tích cực, sôi nổi

- 80% HS cẩn thận, chỉn chu trong việc lựa chọn từ ngữ để diễn đạt

- 100% HS có lòng nhân ái thông qua việc hiểu sâu các ngữ liệu phân tích là truyện cổ tích

**B. PHƯƠNG PHÁP TRỌNG TÂM**

|  |  |
| --- | --- |
| *Phương pháp:* | *Kĩ thuật* |
| Dạy học phát vấn – đàm thoại, dạy học theo nhóm | Động não |

**C. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**1. Giáo viên**

- Phương tiện: SGK, SGV, bài giảng PPT, PBT và các tài liệu tham khảo.

- Hình thức tổ chức: hình thức làm việc trên lớp theo nhóm, làm việc cá nhân.

**2. Học sinh**

- Đồ dùng học tập

- Chuẩn bị khác: HS đọc trước bài

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** |
| **HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**  - Mục tiêu:  + Kích hoạt tri thức nền của HS về từ đơn, từ phức  + Tạo tâm thế hứng thú, định hướng cho học sinh.  - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: trò chơi  - Sản phẩm dự kiến: Câu trả lời của HS | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra yêu cầu / nhiệm vụ cho HS:  GV tổ chức cuộc thi:  VUA TIẾNG VIỆT  GV đưa ra 01 câu được sắp xếp một cách lộn xộn. Rào/cây táo/ăn/cây sung  Nhiệm vụ của HS:  1. Sắp xếp những từ đã cho thành một cụm từ có nghĩa  2. Bằng kiến thức đã học ở Tiểu học, hãy xác định từ đơn và từ phức trong câu mà em vừa sắp xếp được.  HS có 30s hoàn thành ý 1; 1 phút hoàn thành ý 2.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - 2-3 HS chia sẻ kết quả của mình với cả lớp  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận:  1.  Ăn cây táo rào cây sung.  2.  Ăn/cây táo/rào/cây sung. | 100% HS sẵn sàng tâm thế vào giờ học. |
| **HOẠT ĐỘNG 2: TÌM HIỂU TRI THỨC TIẾNG VIỆT &**  **THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT** | |
| **NỘI DUNG 1: TỪ ĐƠN, TỪ PHỨC**  - Mục tiêu:  + Năng lực đặc thù:   * 90% HS nhận biết được từ đơn, từ phức * 80% HS phân tích được tác dụng của từ láy trong văn bản   + Năng lực chung:   * 100% biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp * 75% biết phối hợp với bạn cùng nhóm, thực hiện công việc nhóm nhỏ;   + Phẩm chất:   * 60% HS trau dồi tính kiên trì, cẩn thận thông qua các hoạt động tìm từ đơn, từ phức; * 50% HS bồi dưỡng lòng nhân ái thông qua vận dụng tri thức tiếng Việt hiểu sâu ngữ nghĩa của các văn bản   - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Đàm thoại – phát vấn, dạy học theo nhóm  - Sản phẩm dự kiến: câu trả lời, bài làm của HS (phiếu học tập số 1, 2) | |
| **TÌM HIỂU TRI THỨC TIẾNG VIỆT**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Nhiệm vụ 1:** HS thực hiện  (?) Đọc đoạn trích sau và điền các từ in đậm trong đoạn trích sau vào ô phù hợp:  *“Nhưng đằng cuối bãi,* ***mẹ*** *tôi vẫn* ***mạnh khỏe****. Hai mẹ con gặp nhau,* ***mừng quá****, cứ vừa* ***khóc*** *vừa* ***cười****.*  *Tôi kể lại từ đầu chí cuối những ngày qua trong* ***may rủi*** *và* ***thử thách*** *mà bấy lâu tôi trả. Bắt đầu từ* ***chuyện*** *anh Dế Choắt* ***khốn khổ*** *bên* ***hàng xóm****.”*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Từ đơn** | **Từ phức** | | | Từ ghép | Từ láy | |  |  |  |   **Nhiệm vụ 2:** Từ câu phần khởi động vàví dụ trên, kết hợp với video (tri thức tiếng Việt từ đơn-từ phức) của Cửa sổ Văn học, em hãy nêu khái niệm thế nào là từ đơn, từ phức và từ láy?  <https://www.youtube.com/watch?v=I8N_hUDLq48&t=95s>  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả của nhóm  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - Các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Từ đơn** | **Từ phức** | | | **Từ ghép** | **Từ láy** | | Mẹ, khóc, cười | Mạnh khỏe, mừng quá, may rủi, hàng xóm | Thử thách, Khốn khổ | | * **I. Từ đơn, từ phức** * **a. Từ đơn**   - Từ đơn do một tiếng tạo thành, còn từ phức do hai hay nhiều tiếng tạo thành  **b. Từ phức**  + Từ ghép là những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có nghĩa với nhau.  + Từ láy là những từ phức được tạo ra nhờ phép láy âm (lặp lại âm đầu, vần hoặc lặp lại cả âm đầu và vần. |
| **THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra yêu cầu / nhiệm vụ:  - HS làm việc theo cặp trong 10 phút  - Hoàn thành bài tập 1,2,3 SGK tr.20;  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả của nhóm mình  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - Các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận:  Bài 1 SGK tr.20   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Từ đơn** | **Từ phức** | | | Từ ghép | Từ láy | | Tôi, nghe, người | Bóng mỡ, ưa nhìn | Hủn hoẳn, phành phạch, giòn giã |   Bài 2 SGK tr.20  Một số từ láy trong bài *Bài học đường đời đầu tiên*: phanh phách, phành phạch, giòn giã, ngoàm ngoạp, hừ hừ, véo von, văng vẳng,…  Bài 3 SGK tr.20   |  |  | | --- | --- | | **Từ láy** | **Tác dụng** | | *Thỉnh thoảng, phanh phách, ngoàm ngoạp, dún dẩy* | Các từ láy đã góp phần khắc họa hình ảnh khỏe khoắn, cường tráng, tràn đầy sức sống của Dế Mèn; đồng thời giúp người đọc hình dung rõ về nhân vật. | | * **2. Thực hành về từ đơn, từ phức** * - Bài tập 1 SGK tr.20 * - Bài tập 2 SGK tr.20 * - Bài tập 2 SGK tr.20 |
| **NỘI DUNG 2: NGHĨA CỦA TỪ**  - Mục tiêu:  + Năng lực đặc thù:   * 100% HS biết cách suy đoán nghĩa của từ dựa trên ngữ cảnh * 80% HS giải thích được đúng nghĩa của từ trong ngữ cảnh   + Năng lực chung:   * 100% biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp * 75% biết phối hợp với bạn cùng nhóm, thực hiện công việc nhóm nhỏ;   + Phẩm chất: 60% HS trau dồi tính cẩn thận trong việc giải nghĩa từ  - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: phát vấn – đàm thoại, dạy học theo nhóm  - Sản phẩm dự kiến: câu trả lời, bài làm của HS | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra yêu cầu / nhiệm vụ:  - HS thực hiện bài tập 4,5 tr 20;  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm đôi / cặp  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - 2 nhóm HS báo cáo kết quả của nhóm  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - Nhóm HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận:  Bài 4 trang 20   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Từ | Nghĩa  thông thường | Nghĩa trong  văn bản | | nghèo | Chỉ sự thiếu thốn, không có gì cả; trái nghĩa với giàu có | Chỉ khả năng lao động, hoàn thành công việc ở mức kém, đuối sức hơn những người bình thường | | Mưa dầm sùi sụt | Mưa nhỏ, rả rích, kéo dài nhiều ngày không dứt. | Chỉ điệu hát nhỏ, buồn, thê lương. |   Bài 5 tr20:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Thành ngữ** | **Đặt câu** | | | Ăn xổi ở thì | Hoàn cảnh éo le khiến hắn ăn xổi ở thì cho qua ngày. | | | Tắt lửa tối đèn | Các cụ thường dạy, hàng xóm tắt lửa tối đèn có nhau. | | | Hôi như cú mèo | Cậu An đi đá bóng về nên người hôi như cú mèo. | | | Biến hóa | | Thay đổi | | * **II. NGHĨA CỦA TỪ NGỮ** * **1. Cách giải nghĩa từ** * Giải thích nghĩa của từ từ việc suy đoán nghĩa dựa trên ngữ cảnh (các từ ngữ xung quanh) * Giải thích nghĩa của từ (thành ngữ) dựa trên các truyện kể mà thành ngữ hình thành |
| **HOẠT ĐỘNG 3: BIỆN PHÁP TU TỪ**  - Mục tiêu:  + 100% Học sinh xác định được những đặc điểm cơ bản của so sánh  + 70% Học sinh nêu được tác dụng của phép so sánh trong ngữ cảnh cụ thể  - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm.  - Hình thành và phát triển năng lực: Giải quyết vấn đề, giao tiếp tiếng Việt, tư duy tổng hợp, hợp tác. | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra yêu cầu / nhiệm vụ:  *Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc.*  Yêu cầu:  1. Trong VD trên, những sự vật nào được so sánh với nhau? Vì sao có thể so sánh như vậy?  2. Việc so sánh các sự việc với nhau như vậy có tác dụng gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả của mình  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, góp ý, chỉnh sửa  SV được so sánh với nhau:  - Hai cái răng đen nhánh-hai lưỡi liềm máy  - Hai sự vật có nét tương đồng: chỉ sự sắc nhọn  2. Tác dụng: Với biện pháp so sánh làm cho sự vật trở nên sinh động, hấp dẫn. Bên cạnh đó, nó còn nhấn mạnh độ sắc nhọn của những chiếc răng của Dế Mèn. | **III. BIỆN PHÁP TU TỪ SO SÁNH**  **1. Đặc điểm**  **-**  Khái niệm: so sánh là đối chiếu sự vật, sự việc, hiện tượng này với sự vật, sự việc, hiện tượng khác có nét tương đồng để tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  - Tác dụng: tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. |
| **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ  GV đưa ra nhiệm vụ  HS thực hiện bài 6 tr 20  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả của mình  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, góp ý, chỉnh sửa  Bài 6tr20   |  |  | | --- | --- | | *Những ngọn cỏ gẫy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua.* | Các từ láy đã góp phần khắc họa hình ảnh khỏe khoắn, cường tráng, tràn đầy sức sống của Dế Mèn; đồng thời giúp người đọc hình dung rõ về nhân vật | | *Hai cái răng đen nhánh, lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc.* | | **2. Thực hành sử dụng phép tu từ** |
| **HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG**  **VẬN DỤNG TRI THỨC TIẾNG VIỆT VÀO TẠO LẬP ĐOẠN VĂN**  - Mục tiêu:  + Năng lực đặc thù: 60% HS vận dụng được việc giải nghĩa của từ; từ đơn, từ phức và phép so sánh để tạo lập đoạn văn ngắn 5-7 câu  + Năng lực chung: 100% biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp  + Phẩm chất:   * 60% HS trau dồi tính kiên trì, cẩn thận thông qua việc tư duy bài tập; * 50% HS bồi dưỡng lòng nhân ái thông qua vận dụng tri thức tiếng Việt tạo lập đoạn văn ngắn trình bày cảm nhận của mình   - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: động não  - Sản phẩm dự kiến: dàn ý đoạn văn (tại lớp), đoạn văn hoàn chỉnh (về nhà) | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra yêu cầu / nhiệm vụ:  Cho đề bài: Viết đoạn văn khoảng 5-7 câu trình bày cảm nhận của em về nhân vật hoàng tử bé hoặc nhân vật cáo, trong đoạn văn có sử dụng ít nhất 2 từ ghép, 2 từ láy.  - Tại lớp: Lập dàn ý cho đoạn văn theo mô hình   |  |  | | --- | --- | | **Mở đoạn**  **(1 câu)** | Nêu ấn tượng chung về nhân vật | | **Thân đoạn**  **(3-5 câu)** | - Hoàn cảnh sống của nhân vật  - Tính cách, phẩm chất của nhân vật | | **Kết đoạn**  **(1 câu)** | Bài học, ý nghĩa rút ra từ nhân vật |   - Về nhà: hoàn thành đoạn văn  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ lập dàn ý tại lớp (về nhà hoàn thiện đoạn văn)  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - 1HS báo cáo kết quả dàn ý đoạn văn  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, góp ý, rút kinh nghiệm | **IV. VIẾT NGẮN**  HS vận dụng tri thức về từ ghép và từ láy để tạo lập đoạn văn ngắn 5-7 câu. |

**E. RÚT KINH NGHIỆM**

**1. Tự đánh giá, rút kinh nghiệm**

**2. Hình thức thu thập đánh giá của HS về bài dạy**

**F. PHỤ LỤC**

- Tư liệu sử dụng

|  |  |
| --- | --- |
| **Giáo viên giảng dạy**  Nguyễn Quỳnh Trang | **Tổ trưởng chuyên môn**  Hoàng Thị Kim Tuyến |